TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2023
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quốc Hà

Các Hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Ksơr Y Nai
2. Ông Hoàng Tuyển

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện EaH'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 501/2022/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xã Ngọc M, huyện TL, tỉnh Hòa Bình – có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 5A xã EHi, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EHi, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Anh

chị chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay mâu thuẫn giữa anh chị đã không thể hàn gắn. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Bùi Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Chị T có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi con đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T đúng như chị T đã trình bày. Trong quá trình chung sống anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đã ly thân được một thời gian. Nay chị T xin ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Anh H đồng ý với ý kiến của chị T về việc giao con chung là cháu Phạm Bùi Ngọc H1, sinh ngày 12/8/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh chị tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T, chị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Cần giao cháu Phạm Bùi Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EHi, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn hiện nay của anh H, chị T chị là trầm trọng, được các đương sự thừa nhận. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng ly hôn nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị T và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Bùi Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Xét ý kiến của chị T, anh H và xét nguyện vọng của cháu H1 về việc để chị T trực tiếp, nuôi dưỡng cháu H1 đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp nên cần chấp nhận.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Bùi Ngọc H1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số AA/2021/0010995, ngày 13 tháng 12 năm 2022.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã EHi, huyện Ea H'leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký
Bùi Quốc Hà